

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09-3-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thanh Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2021/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-01-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22-02-2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 364 đường N, tổ 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà N có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-10-2021 các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Anh T sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 27-11-2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống cùng gia đình bên chồng tại tổ 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống vợ chồng có những khác biệt bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn nhưng hai bên không hòa giải được mà xung đột ngày càng nhiều hơn. Hơn 02 năm nay bà đã sống ly thân với ông T, bà đã về nhà cha mẹ đẻ ở xã H, huyện N để sinh sống. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Anh T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 14-12-2007, cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18-10-2011 và cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 28-9-2014. Hiện nay, cả 03 (ba) đứa con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 (ba) con. Không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn là ông Nguyễn Anh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, 35, 68, 203, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 14-12-2007, cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18-10-2011 và cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 28-9-2014 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông Nguyễn Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi ngày 27-11-2008 nên hôn nhân của bà N và ông T là hợp pháp. Theo bà N trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Bà không thể sống chung với ông T được nữa nên bà dẫn các con về nhà mẹ đẻ sinh sống hơn 02 năm nay. Đối với ông Nguyễn Anh T, Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông T không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà N.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông T là có thật, cả hai không tìm được hướng giải quyết nên đã sống ly thân; điều đó cho thấy trình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

[2.2] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Anh T có 03 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 14-12-2007, Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18-10-2011 và Nguyễn Thanh K, sinh ngày 28-9-2014. Xét yêu cầu nuôi con của bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả 03 cháu Nguyễn Thành T, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thanh K hiện đang sống với bà N. Do đó, giao cả 03 cháu T, Đ, K cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị N không

yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 235, 266, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 14-12-2007, Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18-10-2011 và Nguyễn Thanh K, sinh ngày 28-9-2014 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị N trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được

khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000120 ngày 08-10-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- UBND phường Nguyễn Nghiêm
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nam